

Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	38115000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	38.115.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12-100)	38.115.000
+	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi:	800.000
+	Kinh phí miễn, giảm học phí:	37.315.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071

Đã

Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	38115000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	38.115.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12-100)	38.115.000
+	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi:	800.000
+	Kinh phí miễn, giảm học phí:	37.315.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071

Đã



Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	86.835.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	86.835.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Mã nguồn 12 - 340)	86.835.000
	Chi hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024 - 2025 theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố.	86.835.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071



Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	112.352.488
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	112.352.488
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	112.352.488
	- Bổ sung kinh phí chi thường xuyên:	112.352.488
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071

Đã

Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.000.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12 - 100)	12.000.000
	- Gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Mimosa.net:	6.000.000
	- Gia hạn phần mềm Quản lý tài sản Qlts.vn:	3.000.000
	- Gia hạn phần mềm Quản lý cán bộ Qlcb.vn:	3.000.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071



Đơn vị: Trường Mầm non Bắc Hưng

Mẫu biểu số 49

Chương: 622 Khoản: 071

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	582.005.736
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	582.005.736
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Mã nguồn 12-000)	582.005.736
	Kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố:	582.005.736
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1108156
	Mã số Phòng giao dịch số 4 - KBNN khu vực III	0071